

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Báo cáo tài chính, Quý III năm 2010

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán	1-2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3-4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5-6
Thuyết minh báo cáo tài chính	7-21

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2010	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		132.950.767.955	99.860.250.959
110	I. Tiền		9.732.574.735	15.852.488.141
111	1. Tiền	5	9.732.574.735	15.852.488.141
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	37.800.000	23.940.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		132.600.000	132.600.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(94.800.000)	(108.660.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.258.274.031	25.307.997.575
131	1. Phải thu khách hàng		11.330.285.081	11.297.299.383
132	2. Trả trước cho người bán		12.986.210.714	10.780.413.836
135	3. Các khoản phải thu khác	7	14.810.362.952	4.098.869.072
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(868.584.716)	(868.584.716)
140	IV. Hàng tồn kho	8	80.145.456.216	53.548.413.692
141	1. Hàng tồn kho		81.165.886.891	55.433.893.072
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.020.430.675)	(1.885.479.380)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.776.662.973	5.127.411.551
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.649.269.882	4.156.088.037
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		172.692.242	-
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		367.881.614	617.878.307
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		1.586.819.235	353.445.207
	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		105.447.196.709	113.342.158.929
220	I. Tài sản cố định		101.001.833.480	113.224.787.781
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	77.441.777.136	83.544.669.744
222	Nguyên giá		151.842.004.249	147.578.024.170
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(74.400.227.113)	(64.033.354.426)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	-	6.311.401.366
225	Nguyên giá		-	7.958.802.990
226	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(1.647.401.624)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	59.145.743	104.997.535
228	Nguyên giá		336.289.821	336.289.821
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(277.144.078)	(231.292.286)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		23.500.910.601	23.263.719.136
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	-	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
259	2. Dự phòng đầu tư dài hạn		(750.000.000)	(750.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.445.363.229	117.371.148
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		4.445.363.229	117.371.148
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		238.397.964.664	213.202.409.888

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/092010	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		84.192.668.642	57.706.696.485
310	I. Nợ ngắn hạn		80.263.682.327	55.899.041.969
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	51.692.601.912	4.804.943.086
312	2. Phải trả người bán		12.413.861.676	16.660.304.661
313	3. Người mua trả tiền trước		3.749.008.963	6.246.900.005
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	8.366.797.562	9.358.707.080
315	5. Phải trả người lao động		59.477.203	1.281.948.644
316	6. Chi phí phải trả	15	2.617.123.724	12.979.402.708
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.364.811.287	4.566.835.785
330	II. Nợ dài hạn		3.928.986.315	1.807.654.516
334	1. Vay và nợ dài hạn		2.753.167.168	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.175.819.147	1.807.654.516
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		154.205.296.022	155.495.713.403
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	154.205.296.022	155.495.713.403
411	1. Vốn cổ phần		125.000.000.000	125.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.778.796.500	63.778.796.500
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.817.26.084	3.817.886.084
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.160.418.827	1.160.418.827
420	5. Lỗ lũy kế		(39.551.205.389)	(38.261.388.009)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		238.397.964.664	213.202.409.888

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30/09/2010	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VNĐ)	-	228.983.844
2. Ngoại tệ các loại – Đô la Mỹ	476.29	127.779

Trưởng phòng tài chính kế toán.
Trương Khắc Tâm

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

B01a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
01	1. Doanh thu bán hàng	17.1	70.205.429.854	53.969.634.413	242.297.213.035	215.874.478.005
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3.379.943.818	(2.639.638.192)	10.525.820.645	6.057.384.247
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		66.825.486.036	56.609.272.605	231.771.392.390	209.817.093.758
11	4. Giá vốn hàng bán	18	57.332.198.848	49.058.147.035	184.989.615.138	156.110.547.080
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		9.493.287.188	7.551.125.570	46.781.777.252	53.706.546.678
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	212.458.598	147.665.152	2.325.108.486	236.921.810
22	7. Chi phí tài chính	19	3.111.216.673	1.280.759.951	5.081.144.574	6.016.932.713
23	Trong đó: Chi phí lãi vay					
24	8. Chi phí bán hàng		10.154.989.729	3.807.083.182	35.423.533.651	32.204.445.060
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.241.543.562	1.998.006.547	8.287.461.305	6.279.415.265
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.802.004.178)	612.941.042	314.746.208	9.442.675.450
31	11. Thu nhập khác	20	297.861.084	67.200.000	3.094.778.658	204.402.416
32	12. Chi phí khác	20	74.034.654	75.303.030	2.510.246.972	166.212.121
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		223.826.430	(8.103.030)	584.531.686	38.190.295
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		(5.578.177.748)	604.838.012	899.277.894	9.480.865.745

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

B01a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2010

51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	-		89.927.789	
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại					-
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		(5.578.177.748)	604.838.012	809.350.105	9.480.865.745
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu <i>- Lãi cơ bản</i>					

Trưởng phòng tài chính kế toán.
Trương Khắc Tâm

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán Quý III năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/09/2009
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		899.277.894	9.480.865.745
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9, 10, 11	10.439.400.131	10.762.749.085
03	Các khoản dự phòng		(878.908.705)	(25.282.064.543)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(417.266.633)	864.474.599
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư, thanh lý tài sản cố định		(7.847.148.265)	(54.062.714)
06	Chi phí lãi vay		2.289.029.504	3.077.198.043
07	Thu nhập lãi cho vay, cổ tức		(240.511.765)	(157.746.709)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.243.872.161)	(1.308.586.494)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(14.819.946.033)	(400.449.764)
10	Tăng/(giảm) hàng tồn kho		(25.731.993.819)	49.855.357.104
11	Tăng các khoản phải trả		(20.072.110.629)	3.590.491.511
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.821.173.926)	(580.559.222)
13	Tiền lãi vay đã trả		(2.289.029.504)	(3.077.198.043)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.000.000.000)	-
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh			
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.535.522.841)	(7.006.349.677)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(65.631.353.600)	41.072.705.415
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác		7.721.611.525	(2.113.720.486)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.909.090.910	-
24	Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	340.000.000
28	Tiền lãi		240.511.765	67.985.675
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		9.871.214.200	(1.705.734.811)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	25.000.000.000
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		144.111.942.602	86.925.576.977
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		(94.471.116.608)	(135.402.070.096)
36	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(1.578.423.164)

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ ngày 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
37	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông			
38	Các khoản lưu chuyển khác từ hoạt động tài chính		(600.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		49.640.225.994	(25.054.916.283)
50	Lưu chuyển tiền thuần		(6.119.913.406)	14.312.054.321
60	Tiền đầu năm		15.852.488.141	3.626.960.318
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối quý	5	9.732.574.735	17.939.014.639

Trưởng phòng tài chính kế toán
Trương Khắc Tâm

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 22 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và 3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và tỉnh Bình Dương.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là: 515 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 391 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU .

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	4 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

Tài sản cố định vô hình khác 4 - 5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo).

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương tháng bình quân sử dụng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh tại cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Bất kỳ khoản trích thêm nào đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”).

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

<i>Nghệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo VAS 10</i>	<i>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo).

3.14 Thuế (tiếp theo).

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

5. TIỀN .

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30/09/2010	Số đầu năm
Tiền mặt	31.251.227	67.625.314
Tiền gửi ngân hàng	9.701.323.508	15.784.862.827
	9.732.574.735	15.852.488.141

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN .

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30/09/2010	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	132.600.000	132.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(94.800.000)	(108.660.000)
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	37.800.000	23.940.000
Trong đó		
Đầu tư ngắn hạn	132.600.000	132.600.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC .

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30/09/2010	Số đầu năm
Phải thu Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn (*)	1.000.000.000	1.060.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt nam (**)	3.091.488.000	2.850.000.000
Phải thu Tetra Pak - IndoChina	10.432.026.627	-
Phải thu khác	286.848.325	188.869.072
	14.810.362.952	4.098.869.072

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

8. HÀNG TỒN KHO.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Số đầu năm</i>
<i>30/09/2010</i>	
Hàng mua đang đi trên đường	835.300 19.410.583.708
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	70.042.190.944 22.719.385.958
Công cụ, dụng cụ	474.685.791 3.611.309.282
Thành phẩm	9.831.231.725 9.483.910.953
Hàng gửi bán	6.314.530
Hàng hóa	810.628.601 208.703.171
	81.165.886.891 55.433.893.072

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

B09-DN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH.

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2010	28.353.597.435	107.166.557.967	9.412.909.599	2.601.195.533	43.763.636	147.578.024.170
- Giảm trong quý II do thanh lý	-	-	(3.823.220.110)	-	-	(3.823.220.110)
- Mua trong quý III		128.397.200				128.397.200
- Tăng trong quý III do chuyển TSCĐ thuê TC sang TSCĐHH		7.958.802.990				7.958.802.990
Số dư cuối tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	28.353.597.435	115.253.758.157	5.589.689.489	2.601.195.533	43.763.636	151.842.004.249
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	11.594.843.439	46.737.812.887	3.917.785.034	1.749.574.191	33.338.875	64.033.354.426
- Khấu hao trong quý I	534.079.703	2.411.720.250	326.766.742	99.152.276	2.352.773	3.374.071.743
- Khấu hao trong quý II	534.079.698	2.410.231.965	234.149.632	89.039.940	2.352.774	3.269.853.995
- Khấu hao giảm trong quý II			(1.674.077.276)			(1.674.077.276)
- Khấu hao trong quý III	534.079.700	2.408.462.958	190.421.995	83.439.641	2.352.772	3.218.757.066
- Khấu hao tăng do điều chuyển		2.178.267.159				2.178.267.159
Số dư tại ngày 30/09/2010	13.197.082.539	56.146.826.500	2.804.624.132			74.400.227.113
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2010	16.758.753.996	60.428.745.080	5.495.124.565	851.621.342	10.424.761	83.544.669.744
Số dư tại ngày 30/09/2010	15.156.514.896	59.106.931.657	2.594.643.375	580.320.766	3.366.442	77.441.777.136

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

Máy móc thiết bị

Nguyên giá:

Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	7.958.802.990
- Thuê trong quý	-
- Giảm trong quý III	7.958.802.990
Số dư tại ngày 30/09/2010	-

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	1.647.401.624
- Khấu hao trong quý I	176.955.178
- Khấu hao trong quý II	176.955.179
- Khấu hao trong quý III	176.955.179
- Khấu hao giảm trong quý III	2.178.267.159
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2010	-

Giá trị còn lại:

Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	6.311.401.366
Số dư tại ngày 30/09/2010	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Bản quyền. bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	33.412.943	288.376.878	14.500.000	336.289.821
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2010	33.412.943	288.376.878	14.500.000	336.289.821
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	7.438.035	213.214.177	10.640.074	231.292.286
- Tăng trong quý I	811.716	13.989.724	482.490	15.283.930
- Tăng trong quý II	811.716	13.989.723	482.490	15.283.929
- Tăng trong quý III	811.717	13.989.724	482.491	15.283.931
Số dư tại ngày 30/09/2010	9.873.184	255.183.348	12.087.545	277.144.076
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	25.974.908	75.162.701	3.859.926	104.997.535
Số dư tại ngày 30/09/2010	23.539.759	33.193.530	2.412.455	59.145.743

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30/09/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào Công ty CP phát triển siêu thị Hapro Thanh Hóa	750.000.000	750.000.000
	750.000.000	750.000.000

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30/09/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng ngắn hạn	51.692.601.912	2.145.955.303
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	-	2.658.987.783
	51.692.601.912	4.804.943.086

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30/09/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	5.160.395.803	6.348.353.035
Thuế xuất, nhập khẩu	96.321.062	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	820.426.216	1.166.853.782
Các loại thuế khác	2.289.654.481	1.843.500.263
	8.366.797.562	9.358.707.080

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30/09/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các đại lý phân phối, nhà cung cấp	901.860.450	10.969.083.884
Phải trả khác	1.715.263.274	2.010.318.824
	2.617.123.724	12.979.402.708

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngày 30/09/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng dài hạn	2.753.167.168	-
	2.753.167.168	-

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

B09-DN

6. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu .

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số dư đầu năm	125.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.160.418.827	(49.863.509.313)	118.893.592.098
- Lô trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>125.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.886.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(49.863.509.313)</u>	<u>118.893.592.098</u>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010						
Số dư đầu năm	125.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.160.418.827	(38.261.388.009)	155.495.713.403
- Góp vốn	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận quý I	-	-	-	-	469.768.547	469.768.547
- Lợi nhuận quý II	-	-	-	-	5.354.114.661	5.354.114.661
- Lợi nhuận quý III	-	-	-	-	(5.578.177.748)	(5.578.177.748)
- Giảm khác	-	-	(600.000)	-	(1.535.522.841)	(1.535.522.841)
Số dư cuối Quý	<u>125.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.286.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(39.551.205.389)</u>	<u>154.205.296.022</u>

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý III /2010	Quý III/2009
Tổng doanh thu	70.205.429.854	53.969.634.413
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	70.205.429.854	53.969.634.413
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.379.943.818	(2.639.638.192)
Hàng bán bị trả lại	117.966.412	-
Chiết khấu thương mại	3.261.977.406	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần	66.825.486.036	56.609.272.605
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	66.825.486.036	56.609.272.605

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý III /2010	Quý III/2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.631.481	147.665.152
Cổ tức thu được từ đầu tư	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	179.827.117	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	212.458.598	147.665.152

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý III /2010	Quý III/2009
Giá vốn của thành phẩm đã bán	57.562.305.928	49.058.147.035
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(230.107.080)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	57.332.198.848	49.058.147.035

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý III /2010	Quý III/2009
Lãi tiền vay	1.013.119.196	358.188.234
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	614.647.013	922.571.717
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.483.450.464	-
Chi phí tài chính khác	-	-
	3.111.216.673	1.280.759.951

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý III /2010	Quý III/2009
Thu nhập khác	297.861.087	67.200.000
Thu thanh lý tài sản	-	-
Tiền thuê nhà đất	67.200.000	67.200.000
Thu nhập khác	230.661.087	-
Chi phí khác	74.034.654	75.303.030
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	-	-
Chi phí thuê đất	44.696.972	-
Chi phí khác	29.337.682	75.303.030
GIÁ TRỊ THUẦN.	223.826.430	(8.103.030)

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP.

Hoạt động sản xuất và chế biến sữa:

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong 10 năm đầu tiên là 20%, thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%. Công ty phát sinh lợi nhuận kinh doanh đầu tiên trong năm 2004.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm là 10 % lợi nhuận chịu thuế.

Hoạt động kinh doanh thương mại:

Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý III /2010	Quý III/2009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu/ (thừa) năm trước	-	-
	-	-

21.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trưởng phòng tài chính kế toán.
Trương Khắc Tâm

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng